TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LÂM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2023/HSST
Ngày 30-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Hoài Nam

Bà Đỗ Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Tô Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 238/2023/TLST-HS ngày 20/11/2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2023/QĐXXST-HS ngày 20/11/2023 đối với bị cáo:

Kiều Thị Hải Y - Giới tính: Nữ; tên gọi khác: Không; sinh năm: 2003; nơi sinh: Bắc Ninh; ĐKHKTT tại: Thôn Y, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Kiều Văn H và con bà: Chu Thị H; TATS: Theo danh chỉ bản số 449 ngày 22/9/2023 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án tiền sự; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại: Anh **Mạc Việt A**, sinh năm 2003; ĐKHKTT tại: Trung tâm B, huyện C, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Mạc Việt A, anh Mai Văn N - sinh năm: 2002, HKTT: Xã A, huyện Q, Thái Bình và anh Nguyễn Văn K, sinh năm 2001, HKTT: Thôn D, xã N, huyện N, Hải Dương cùng thuê ở chung trong căn hộ 2117 tòa S203 khu đô thị V, xã D,

huyện G, Hà Nội. Khoảng 23 giờ ngày 12/6/2023, sau khi anh A, anh N và anh K đi ăn uống xong thì anh N về trước đón bạn gái là Kiều Thị Hải Y đến căn hộ X tòa S khu đô thị V để ngủ. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 13/6/2023, Y tỉnh dậy thì thấy phòng ngủ của anh A không đóng cửa nên Y đi vào trong phòng, bật điện, mở tủ quần áo phát hiện 01 chiếc hộp màu đỏ đựng 01 sợi dây chuyền vàng. Y cất sợi dây chuyền vào hộp và đi về phòng anh N nằm ngủ tiếp. Khoảng 30 phút sau, Y nảy sinh ý định trộm cắp sợi dây chuyền vàng nên quay lại phòng ngủ của anh A, mở tủ quần áo lấy sợi dây chuyền vàng mang về phòng ngủ của anh N để trên kệ đựng đồ và tiếp tục đi ngủ. Đến khoảng 4 giờ sáng ngày 13/6/2023, anh A và anh K mới về căn hộ ngủ. Đến khoảng 7 giờ sáng cùng ngày, Y thức dậy, lấy sợi dây chuyền vàng cất giấu vào túi quần bên phải của Y đang mặc và mang đi bán tại một cửa hàng ở khu vực thị trấn T, huyện G, Hà Nội được số tiền 16.000.000 đồng, Y đã tiêu sài cá nhân hết. Ngày 26/6/2023, anh A đi cùng bạn là anh Nguyễn Trung S - sinh năm: 2003, trú tại: Phường V, quận K, Hải Phòng; anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Ngọc Q - sinh năm: 2000, HKTT: Xã P, huyện D, Đồng Nai đến nhà Y để lấy lại sợi dây chuyền. N đã quay video ghi lại nội dung Y thừa nhận trộm cắp tài sản thì bị người nhà của Y dùng chân tay không đánh anh A và anh S nhưng không có thương tích. Đến ngày 06/7/2023, anh A đã nộp đơn trình báo về hành vi của Y đến Công an xã D.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 131/KL-HĐĐGTS ngày 18/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng (loại vàng 9999), trọng lượng 03 chỉ (đã cũ, đã qua sử dụng) trị giá 16.500.000 đồng (5.500.000 đồng/01 chỉ).

Tại bản cáo trạng số: 236/CT-VKSGL ngày 17/11/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Kiều Thị Hải Y về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

- Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Đề nghị xử phạt bị cáo Kiều Thị Hải Y: từ 10 - 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 - 30 tháng. Giao bị cáo về UBND xã H, huyện Y, Bắc Ninh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không nghề nghiệp ổn định, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Các biện pháp tư pháp: Không.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự: Lưu giữ hồ sơ 01 USB nhãn hiệu Kingston màu bạc bên trong có 01 đoạn video; 01 USB nhãn hiệu KIOXIA 16Gb màu trắng chứa 05 video và 02 hình ảnh.

- Về trách nhiệm dân sự: Không.

Nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử mở lượng khoan hồng cho bị cáo để bị cáo có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn nhận tội và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng huyện G là hợp pháp.

- Về tội danh:

[2]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, bản Kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ ngày 13/6/2023, tại căn hộ X tòa S khu đô thị V, xã D, huyện G, Hà Nội, bị cáo Kiều Thị Hải Y đã có hành vi trộm cắp 01 sợi dây chuyền vàng có trị giá 16.500.000 đồng của anh Mạc Việt A.

[3]. Hành vi của bị cáo Kiều Thị Hải Y đã có đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản". Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đề nghị truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Bộ luật Hình sự bảo vệ. Do vậy, cần phải nghiêm trị đối với bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã tác động đến gia đình để bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; nhân thân của bị cáo chưa có tiền án - tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8]. Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội cùng nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy đáng ra cần phải xử phạt bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới thỏa đáng. Song khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên mở lượng khoan hồng cho bị cáo và chỉ cần xử phạt bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Bà Chu Thị H là mẹ đẻ của bị cáo Kiều Thị Hải Y đã bồi thường số tiền 17.000.000 đồng cho anh Mạc Việt A; anh A đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì khác về dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[10]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ.

[11]. Về xử lý vật chứng: Thu giữ của anh Mai Văn N: 01 USB nhãn hiệu Kingston màu bạc bên trong có 01 đoạn video; 01 USB nhãn hiệu KIOXIA 16Gb màu trắng chứa 05 video và 02 hình ảnh là tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi của bị cáo nên cho lưu hồ sơ vụ án.

[12]. Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về mức hình phạt, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về trách nhiệm dân sự, về hình phạt bổ sung và về xử lý vật chứng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[13]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[14]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Kiều Thị Hải Y 10 *(Mười)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: Trộm cắp tài sản. Thời gian thử thách là 20 *(Hai mươi)* tháng, tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Kiều Thị Hải Y cho UBND xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm kết hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau: Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc

Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

2. Về hình phạt bổ sung: Không.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự: Lưu giữ hồ sơ 01 USB nhãn hiệu Kingston màu bạc bên trong có 01 đoạn video; 01 USB nhãn hiệu KIOXIA 16Gb màu trắng chứa 05 video và 02 hình ảnh.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Kiều Thị Hải Y phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;*
- *VKSND huyện G;*
- *Công an huyện G;*
- *UBND xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh (Thay cho thông báo kết quả xét xử);*
- *Chi cục THADS huyện G;*
- *Bị cáo và những người TGTT khác;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Dũng